

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 32 /2008/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Tiêu chí phân bổ vốn Chương trình phát triển kinh tế-xã hội
các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn
2006 – 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II) tỉnh Lạng Sơn.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg, ngày 10/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 210/2006/ QĐ-TTg, ngày 12/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-UBND-KHĐT-TC-XD-NNPTNT, ngày 15/9/2008 của liên Bộ: Ủy ban Dân tộc-Bộ Kế hoạch và Đầu tư-Bộ Tài chính-Bộ Xây dựng- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Văn bản số: 313/TT.HĐND ngày 05/12/2008 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc nhất trí nội dung tiêu chí phân bổ vốn Chương trình 135 giai đoạn II tỉnh Lạng Sơn;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 82/TT-BĐT, ngày 20/10/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Tiêu chí phân bổ vốn Chương trình phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 – 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II) tỉnh Lạng Sơn".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình 134-135 tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành hữu quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vy Văn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN

Chương trình 135 giai đoạn II tỉnh Lạng Sơn.

(Kèm theo Quyết định số 32 /2008/QĐ-UBND ngày 09 /11/ 2008
của UBND tỉnh Lạng Sơn).

A- VỀ CÁC TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN:

I - Đối với Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào các dân tộc: Áp dụng Tiêu chí hộ nghèo được xác định tại Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 08/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006-2010.

II - Đối với Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn: Áp dụng các tiêu chí sau:

1. Điều kiện tự nhiên.

- Tiêu chí về diện tích tự nhiên của xã .
- Tiêu chí về địa lý: Đối với cấp xã xác định cự ly từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đối với thôn xác định cự ly từ thôn đến trung tâm xã.

2. Dân số, dân tộc, khu vực:

Tiêu chí về dân số: Dân số của từng xã, thôn.

Tiêu chí về dân tộc: Nhóm các dân tộc thiểu số trình độ phát triển còn thấp: Mông, Dao, Sán Chay.

Tiêu chí xã, thôn thuộc vùng cao hoặc biên giới.

3. Kết cấu hạ tầng thiết yếu:

Đối với xã: Xác định các loại công trình thiết yếu sau: Đường giao thông, điện, trạm xá, bưu điện văn hoá xã, nhà văn hoá xã.

Đối với thôn: Xác định các loại công trình thiết yếu sau: Đường giao thông, điện, nhà văn hoá thôn, lớp tiểu học hoặc mẫu giáo.

4. Số lượng thôn: Số thôn của từng xã, số thôn đặc biệt khó khăn.

5. Số hộ nghèo: Tiêu chí hộ nghèo được xác định tại Quyết định số 170/QĐ-TTg, ngày 08/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006-2010.

6. Giáo dục: Phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

III - Đối với Dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, nâng cao trình độ quản lý hành chính và kinh tế; đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng:

Thực hiện theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của tỉnh.

IV - Đối với Chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật theo Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg: Phân bổ theo định mức Trung ương.

B- CƠ QUAN CUNG CẤP SỐ LIỆU CÁC TIÊU CHÍ:

- 1. Về dân số, dân tộc:** Do Cục Thống kê tỉnh cung cấp vào tháng 9 hàng năm.
- 2. Về giáo dục:** Do Sở Giáo dục-Đào tạo cung cấp thông tin vào tháng 9 hàng năm về tình hình phổ cập giáo dục,
- 3. Về hộ nghèo:** Do Sở Lao động Thương binh và Xã hội cung cấp vào tháng 9 hàng năm về tỷ lệ hộ nghèo,
- 4. Số thôn, bản:**
 - + Số thôn do Sở Nội vụ cung cấp tháng 9 hàng năm.
 - + Số thôn đặc biệt khó khăn (ĐBK) theo quyết định công nhận của cấp thẩm quyền (Ủy ban Dân tộc).
- 5. Về cự ly:** Cự ly từ huyện đến trung tâm xã và từ trung tâm xã đến các thôn do Sở Giao thông vận tải cung cấp, ổn định hàng năm
- 6. Về kết cấu hạ tầng thiết yếu:** Do UBND các huyện báo cáo vào tháng 9 hàng năm.

C- BIỂU ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ: Có biểu điểm chi tiết kèm theo.

D- CÁCH XÁC ĐỊNH PHÂN BỐ VỐN:

1. Đối với Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào các dân tộc (gọi tắt là Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất):

1.1. Phân bổ vốn DA HTPTSX xã 135 :

Lấy tổng vốn dự án Hỗ trợ PTSX của xã 135 toàn tỉnh chia cho tổng số hộ nghèo các xã 135 của toàn tỉnh, được vốn hỗ trợ bình quân cho 1 hộ nghèo; sau đó lấy vốn hỗ trợ bình quân cho 1 hộ nghèo nhân với tổng số hộ nghèo của 1 xã 135 được tổng vốn đầu tư cho 1 xã 135.

Tổng vốn Hỗ trợ PTSX xã 135

Tổng số hộ nghèo các xã 135 x Số hộ nghèo 1 xã 135 = Vốn HT PTSX 1 xã

Việc phân bổ vốn dự án Hỗ trợ PTSX theo nguồn (Đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp) căn cứ theo Quyết định số: 1208 /QĐ-UBND ngày 09/7/2007 của UBND tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn II trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Phân bổ vốn PTSX thôn ĐBK xã Khu vực II:

Lấy tổng vốn dự án Hỗ trợ PTSX thôn ĐBKK xã Khu vực II của tỉnh chia cho tổng số hộ nghèo các thôn ĐBKK xã Khu vực II của tỉnh, được vốn hỗ trợ bình quân cho 1 hộ nghèo; sau đó lấy vốn hỗ trợ bình quân cho 1 hộ nghèo nhân với tổng số hộ nghèo của 1 thôn ĐBKK xã Khu vực II được tổng vốn đầu tư cho 1 thôn ĐKK xã Khu vực II.

Tổng vốn PTSX thôn ĐBKK

x Hộ nghèo 1 thôn ĐBKK = Vốn 1 thôn ĐBKK

Tổng số hộ nghèo thôn ĐBKK

2. Đối với dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

1.1. Phân bổ vốn CSHT xã 135:

Lấy tổng vốn dự án CSHT của xã 135 toàn tỉnh chia cho tổng số điểm của các xã 135 của toàn tỉnh, được vốn hỗ trợ bình quân cho 1 điểm; sau đó lấy vốn hỗ trợ bình quân cho 1 điểm nhân với tổng số điểm của 1 xã 135 được tổng vốn đầu tư cho 1 xã 135.

Tổng vốn XDCSHT các xã 135

x Điểm 1 xã 135 = Vốn XDCSHT 1 xã

Tổng điểm các xã 135

1.2. Phân bổ vốn CSHT Thôn ĐBKK xã khu vực II:

Lấy tổng vốn dự án CSHT của Thôn ĐBKK xã khu vực II toàn tỉnh chia cho tổng số điểm của các Thôn ĐBKK xã khu vực II của toàn tỉnh, được vốn hỗ trợ bình quân cho 1 điểm; sau đó lấy vốn hỗ trợ bình quân cho 1 điểm nhân với tổng số điểm của Thôn ĐBKK xã khu vực II được tổng vốn đầu tư cho Thôn ĐBKK xã khu vực II.

Tổng vốn XDCSHT thôn ĐBKK

x Điểm 1 thôn ĐBKK = Vốn CSHT 1 thôn

Tổng số điểm các thôn ĐBKK

3. Đối với Chính sách hỗ trợ các dịch vụ cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân theo Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg:

(Phân bổ theo định mức của Trung ương)

a. Hỗ trợ học sinh là con hộ nghèo và Hỗ trợ Hộ nghèo đã có nhà ở ổn định, hiện tại chưa có nhà vệ sinh, hoặc nhà vệ sinh tạm bợ; chuồng trại chăn nuôi gia súc

sát nhà ở không đảm bảo điều kiện vệ sinh có nhu cầu làm nhà vệ sinh, di chuyển chuồng trại để cải thiện môi trường được hỗ trợ kinh phí để cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường:

Phân bổ theo tờ trình kèm Danh sách phê duyệt của UBND các huyện và tổ chức thực hiện theo Kế hoạch số 10/KH-UBND, ngày 31/1/2008 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg, ngày 20/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ;

b. Các xã và các thôn, bản ĐBKK ở xã KVII thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II (*theo các quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt*) được thụ hưởng chính sách hỗ trợ hoạt động Văn hoá, Thông tin và hỗ trợ trợ giúp pháp lý:

- Hỗ trợ hoạt động Văn hoá, Thông tin cho các xã và thôn, bản ĐBKK ở xã KVII: Hỗ trợ một số hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở xã và thôn, bản như: Tổ chức lễ hội văn hoá, sinh hoạt văn hoá văn nghệ, vui chơi thể thao, mít tinh tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

+ Mức hỗ trợ: 2 triệu đồng/năm/xã; 0,5 triệu đồng/năm/thôn, bản ĐBKK thuộc xã KVII.

- Hỗ trợ trợ giúp pháp lý, nâng cao nhận thức pháp luật cho người nghèo: Nguồn vốn từ ngân sách Trung ương (NSTU) của Chương trình 135 giai đoạn II.

+ Mức hỗ trợ: 2 triệu đồng/năm/xã; 0,5 triệu đồng/năm/thôn, bản ĐBKK thuộc xã KVII để tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý.

Ngân sách địa phương hỗ trợ đảm bảo cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước để thực hiện trợ giúp pháp lý lưu động và cung cấp tài liệu pháp luật, thông tin pháp luật cho người nghèo.

4. Đối với Dự án Đào tạo (ĐTBD) cán bộ xã và ĐTBD cộng đồng:

UBND tỉnh giao cho Ban Dân tộc (cơ quan thường trực Chương trình 134-135 của tỉnh) chủ trì phối hợp các ngành hữu quan căn cứ tiêu chí này, trên cơ sở đăng ký kế hoạch của UBND huyện chỉ đạo, cung ứng tài liệu, lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

1. Biểu điểm tiêu chí đối với cấp xã ĐBKK (CT135):

Số TT	Nội dung tiêu chí	Điểm
I	Điều kiện tự nhiên	
1	Diện tích tự nhiên từ 5.000 ha trở xuống	1
2	Diện tích tự nhiên trên 5.000 ha, cứ tăng 1000 ha thì tính thêm	0,1
3	Cự ly từ trung tâm xã đến trung tâm huyện mỗi 1km	0,1
II	Kết cấu hạ tầng thiết yếu	
1	Đường Giao thông cho xe cơ giới từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, không đi được 4 mùa	2
2	Chưa có điện lưới	2
3	Chưa có trạm xá đạt chuẩn quốc gia y tế xã	1
4	Chưa có điểm bưu điện văn hoá xã	1
5	Chưa có nhà văn hoá xã	1
III	Dân số, dân tộc, khu vực	
1	Từ 1.000 người trở xuống	1
2	Trên 1.000 người, cứ tăng 100 người được tính thêm	0,1
3	Cứ 1% dân số thuộc các thành phần dân tộc: Mông, Dao, Sán Chay được tính	0,1
4	Xã thuộc vùng cao hoặc biên giới	2
5	Xã thuộc vùng cao và biên giới	3
IV	Số lượng thôn	
1	Từ 10 thôn trở xuống	1
2	Trên 10 thôn, cứ tăng 01 thôn, được tính thêm	0,1
3	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn	1
V	Số hộ nghèo (%)	
	Cứ 1% hộ nghèo	0,1
VI	Về giáo dục	
1	Chưa phổ cập tiểu học	2

2	Chưa phổ cập trung học cơ sở	1
---	------------------------------	---

2. Biểu điểm tiêu chí đối với thôn ĐBKK thuộc xã khu vực II:

Số TT	Nội dung tiêu chí	Điểm
I	Cự ly, khu vực	
1	Cự ly từ thôn đến trung tâm xã, mỗi 1 km	0,1
2	Thôn thuộc xã vùng cao	1
II	Dân số, dân tộc	
1	Thôn từ 50 hộ trở xuống	1
2	Thôn trên 50 hộ, cứ tăng 5 hộ được tính thêm	0,1
3	Cứ 1% dân số thuộc các thành phần dân tộc: Mông, Dao, Sán Chay được tính	0,1
III	Kết cấu hạ tầng thiết yếu	
1	Chưa có đường giao thông cho xe máy đi	2
2	Chưa có đường giao thông cho xe ô tô đi	1
3	Chưa có điện	1
4	Chưa có nhà văn hoá thôn	1
5	Chưa có lớp tiểu học hoặc mẫu giáo	2
IV	Số hộ nghèo (%)	
	Cứ 1% hộ nghèo	0,1